TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAIĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/3/2026.
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lưu Đức Chung.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 628/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1984.

CCCD số: 089184024422, ngày cấp 28/8/2024; Nơi cấp: Bộ C.

Địa chỉ: Số E, Tổ A, Khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Trần Ngọc D, sinh năm: 1987.

CCCD số: 075087021926.

Địa chỉ: Số E, Tổ A, Khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2025 và các lời khai tiếp theo tại Tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Chị và anh D chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 23/7/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng vào đầu năm 2025. Do, bất đồng quan điểm sống từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên gây gỗ, cãi

vã, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay. Thời gian ly thân, vợ chồng có bàn bạc đoàn tụ nhưng không hàn gắn tiếp tục chung sống lại với nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Có 02 cháu, Trần Ngọc S, sinh ngày 17/01/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày: 19/11/2011.

Ly hôn, chị đồng ý giao 02 con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Tại bản tự khai ngày 07/11/2025, bị đơn anh Trần Ngọc D trình bày: Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai ngày 23/7/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng vào đầu năm 2025. Do, bất đồng quan điểm sống từ đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên gây gỗ, cãi vã và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Có 02 cháu, Trần Ngọc S, sinh ngày 17/01/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày: 19/11/2011.

Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Nai:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T, cho chị T được ly hôn anh Trần Ngọc D.

Về con chung: Có 02 cháu, Trần Ngọc S, sinh ngày 17/01/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày: 19/11/2011. Hiện anh D đang nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục tốt. Giao cháu Trần Ngọc S, sinh ngày 17/01/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày: 19/11/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh D yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng và được chị T chấp nhận. Buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh D nhưng anh D vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Ngọc D. Nơi cư trú: Khu A, xã B, tỉnh Đồng Nai. Chị T có đơn tranh chấp ly hôn với anh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Nai theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Ngọc D và chị Nguyễn Thị Bích T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/7/2007 là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, anh D và chị T có những bất đồng về quan điểm sống, thường hay gây gỗ, cãi vã nhau mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay, có bàn bạc đoàn tụ nhưng không thể hàn gắn chung sống được với nhau. Chị T xác định, tình cảm vợ chồng hiện không còn yêu cầu được ly hôn anh D. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh D và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 cháu, Trần Ngọc S, sinh ngày 17/01/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày: 19/11/2011.

Cháu S, cháu G đã trên 07 tuổi. Qua tham khảo ý kiến của 02 cháu đều có nguyện vọng được sống cùng anh D.

Xét thấy, thời gian qua anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tốt, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho 02 cháu. Giao cháu Trần Ngọc S, sinh ngày 17/01/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày: 19/11/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Anh D yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con 2.000.000 đồng/tháng và được chị T chấp nhận. Buộc chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh D nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp chứng cứ đã thu thập, quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: 0004980 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, chị T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1- Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Trần Ngọc D về việc "Tranh chấp ly hôn".

Cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh anh Trần Ngọc D.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc S, sinh ngày 17/01/2008; Trần Ngọc G, sinh ngày: 19/11/2011 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Tạm thời, chị Nguyễn Thị Bích T phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/2 con chung.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng nuôi con thì phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn chị T, anh D có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T được quyền đến thăm con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0004980 ngày 23 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai, chị T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

3- Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận : **T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND khu vực 2 – Đồng Nai (1);
- THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- Ủy ban nhân dân xã Bình An (1);
- Lưu (3).

Nguyễn Tấn Cảnh

Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**
Lưu Đức Chung Nguyễn Thị Ngọc Đẹp	**Nguyễn Tấn Cảnh**